

NGHỊ ĐỊNH số 133-TC/NĐ/SM ngày 2-6-1958 sửa đổi nghị định số 372-TC/NĐ ngày 13-12-1955 quy định thè lệ chi tiết thi hành điều lệ tạm thời về quản lý muối.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ vào điều lệ tạm thời về quản lý muối do nghị định số 536/TG ngày 23-5-1955 của Thủ tướng Chính phủ ban hành;

Căn cứ vào nghị định số 372-TC/NĐ ngày 13-12-1955 của Bộ Tài chính quy định thè lệ chi tiết thi hành điều lệ tạm thời về quản lý muối;

Theo đề nghị của ông Giám đốc Sở Muối Trung ương,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi các điều 4, 5 và 8 của nghị định số 372-TC-NĐ ngày 13-12-1955 quy định thè lệ chi tiết thi hành điều lệ tạm thời về quản lý muối như sau:

«Điều 4 mới. — Trong vùng A, cấm không được tăng trữ mỗi gia đình quá 20 ki-lô muối. Đối với người sản xuất muối, số muối được tăng trữ để dùng trong gia đình do cơ quan quản lý muối địa phương ấn định tùy theo tình hình sản xuất ở từng nơi, nhưng không được quá 50 ki-lô mỗi gia đình.

Những trường hợp sau đây có thể tăng trữ trên số muối để dùng trong gia đình:

a) Những người sản xuất muối được phép tạm trữ số muối chưa bán cho cơ quan quản lý muối, số muối được phép tạm trữ do cơ quan muối địa phương ấn định.

b) Những nhà kinh doanh được mua muối giảm thuế để dùng trong công nghệ, nông nghiệp và nghề làm cá.

c) Những thương nhân hay tờ chức được Mậu dịch ủy thác việc bán muối.

Những người và tờ chức nói ở khoản b và c trên đây phải giữ một quyền sở ghi: số muối mua vào và số muối đem ra dùng (trường hợp b) hoặc bán ra (trường hợp c). Số này phải đóng dấu của cơ quan quản lý muối hay cơ quan Thuế vụ, dùng để chứng nhận số muối tăng trữ là hợp pháp».

«Điều 5 mới. — Mang ra đường trên 10 ki-lô muối trong vùng A phải có giấy phép vận chuyển do cơ quan quản lý muối cấp hoặc hóa đơn của Mậu dịch quốc doanh hay của Hợp tác xã mua bán. Nhưng nếu mang dưới 10 ki-lô mà có tình chất trốn thuế cũng coi như mang muối lậu.

Mang dưới 10 ki-lô ở vùng sản xuất ra ngoài phạm vi đồng muối cũng phải có một trong các giấy tờ trên.

Giấy phép vận chuyển của cơ quan quản lý muối, hóa đơn của Mậu dịch quốc doanh và của Hợp tác xã mua bán ghi rõ:

- Họ tên và chồ ở người vận chuyển.
- Số lượng muối vận chuyển.
- Vận chuyển đến đâu?
- Ngày giờ bắt đầu đi.
- Thời gian đi đường».

«Điều 8 mới. — Số thuế thu vào số muối lâu sẽ nộp vào công quỹ. Tiền phạt, tiền bán muối, bán các phương tiện vận tải tịch thu sẽ nộp 30% vào công quỹ, còn lại 70% chia làm 100 phần và chia theo tỷ lệ sau đây:

a) Các cơ quan, đoàn thể bắt được muối lâu được thưởng 70%. Nếu có người tố giác giúp cơ quan, đoàn thể bắt được muối lâu thuế thì người ấy được thưởng 40%; cơ quan, đoàn thể 30%.

b) Những người đã tố giác và giúp đỡ cơ quan quản lý muối bắt được muối lâu sẽ được thưởng từ 40% đến 70%.

c) Cơ quan quản lý muối bắt được muối lâu thì tính về phi tốn bắt lậu.

Số tiền còn lại dùng để chi cho phi tốn bắt lậu.

Điều 2. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Tài chính, Giám đốc Sở Muối trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 2 tháng 6 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng
TRỊNH VĂN BÌNH

THÔNG TƯ số 66-TC/TT/SM ngày 3-6-1958 giải thích những điều sửa đổi thè lệ chi tiết thi hành điều lệ về quản lý muối.

• Kính gửi: Ủy ban Hành chính các khu và tỉnh.

Sở Thuế trung ương.

Các Chi sở và Phòng muối tỉnh.

Qua ba năm tiến hành công tác quản lý muối, kinh nghiệm cho thấy một số biện pháp qui định trong thè lệ chi tiết thi hành điều lệ về quản lý muối trở nên kém hiệu lực trước biến chuyển của tình hình. Vì vậy, Bộ thấy cần sửa đổi những qui định xét không thích hợp nêu.

Ngày 2-6-1958, Bộ đã ra nghị định số 133 — TC/NĐ/SM ban sao gởi kèm đây, sửa đổi các điều 4, 5 và 8 của nghị định số 372 — TC/NĐ ngày 13-12-1955 về tăng trữ, vận chuyển muối và cấp tiền thưởng cho các người bắt được muối lậu.

Điều 4 mới, qui định trong vùng A (vùng xung quanh đồng muối), nhân dân chỉ được tàng trữ đến 20 ki lô muối để dùng trong gia đình. Kinh nghiệm trước đây trong vùng A cho tàng trữ tới 100 ki lô đã gây nhiều khó khăn cho việc kiểm soát chống muối lậu. Một số người không nhỏ lợi dụng quy định trên để tàng trữ muối lậu để báu kiếm lời. Trước đây, nhân dân thường có thói quen cứ đến vụ sản xuất muối, giá hạ thì mua một số muối lớn để dự trữ dùng trong suốt mùa lạnh là lúc muối khan hiếm giá cao. Song hiện nay, các Công ty Lương thực đảm bảo việc cung cấp muối ở thị trường, lúc nào nhân dân cần dùng muối vẫn có thể mua với giá ổn định. Như vậy, không cần thiết mỗi gia đình phải trữ nhiều muối như trước. Vả lại, nếu mỗi gia đình trữ một số muối khá lớn, sẽ gây thêm khó khăn cho kế hoạch cung cấp muối của Mậu dịch quốc doanh.

Riêng các gia đình làm muối thì tùy theo điều kiện sản xuất ở từng nơi có thể trữ trên 20 ki lô muối, nhưng không được quá 50 ki lô. Hiện nay, ở một số đồng muối, hàng năm nhân dân chỉ sản xuất được từ 4 đến 6 tháng, cho nên sau mỗi vụ sản xuất, thường mỗi gia đình vẫn giữ lại một số muối đủ dùng trong các tháng không sản xuất được. Các cơ quan quản lý muối sẽ căn cứ vào tình hình địa phương mà quy định số muối được tàng trữ.

Điều 5 mới, quy định mang ra đường trên 10 ki lô muối trong vùng A phải có giấy phép vận chuyển do cơ quan quản lý muối cấp, hoặc hóa đơn của Mậu dịch quốc doanh hay của Hợp tác xã mua bán. Nhưng nếu mang dưới 10 ki lô mà có tính chất trốn thuế thì xem như mang muối lậu. Còn mang dưới 10 ki lô ở vùng sản xuất ra ngoài phạm vi đồng muối cũng phải có một trong các giấy tờ trên. Sở dĩ phải có một qui định riêng cho việc mang muối ở vùng sản xuất ra ngoài là vì hiện nay muối thâm lậu dưới hình thức vận chuyển từng số lượng nhỏ. Hàng ngày, một số người khá đông vào đồng muối mua muối lậu rồi mang dần ra từng 2, 3 ki lô mỗi lần. Người nào mang lợt được 4, 5 lần là đã kiểm được một số lợi vài ba nghìn đồng một cách dễ dàng.

Tùy theo yêu cầu công tác ở từng nơi mà áp dụng điều khoản này. Có thể qui định mang từ 1 hay 2, 3 ki lô trở lên phải có giấy phép vận chuyển hay hóa đơn.

Tuy nhiên, muốn thi hành qui định trên có kết quả, cần bố trí cách cấp giấy cho nhân dân được thuận tiện mau chóng, tránh gây phiền phức ảnh hưởng không tốt về mặt chính trị.

Điều 8 mới, qui định trong việc bắt muối lậu nếu có người tố giác và giúp đỡ cơ quan quản lý muối thì người ấy được thưởng từ 40% đến 70%

số tiền phạt sau khi đã trích nộp 30% vào công quỹ. Sở dĩ tăng mức tiền thưởng lên như thế là để khuyến khích phong trào nhân dân chống lậu, vì kinh nghiệm cho thấy số vụ muối lậu do nhân dân phát giác nhiều hơn số vụ mà nhân viên kiểm soát của cơ quan quản lý muối bắt được.

Ngoài những sửa đổi trên, Bộ giải thích thêm một số điểm cụ thể giúp cho công tác chống muối lậu tiến hành có kết quả.

Hiện nay có một số người vừa làm muối vừa làm nghề cá, họ dùng muối của họ làm ra để chế biến và không chịu nộp thuế. Như vậy vừa làm thiệt hại cho công quỹ vừa gây suy ty giữa các người làm nghề cá. Từ nay, những người vừa làm muối, vừa làm nghề cá, cũng phải xin phép dùng muối của họ làm ra để chế biến. Cơ quan quản lý muối sẽ căn cứ vào nhu cầu của mỗi hộ mà cấp giấy phép. Hàng tháng, họ phải nộp cho cơ quan quản lý muối số thuế được giảm 50% vào số muối thực tế đã dùng để chế biến. Số muối còn thừa phải bán cho cơ quan quản lý muối. Những hộ này cũng phải giữ một quyền sở, như đã quy định ở điều 6 nghị định số 372-TC/NĐ ngày 13-12-1955, ghi số muối đã sản xuất, số muối đem ra dùng, số muối còn lại hay đã bán vào kho Chính phủ. Số này phải đóng dấu của cơ quan quản lý muối.

Về cách trừng phạt những vụ phạm vào thể lệ quản lý muối, Bộ nhắc lại nguyên tắc là nghiêm trị bọn chủ mưu, cầm đầu, bọn ngoan cố; khoanh hông đối với những người bị lừa phỉnh, bị ép buộc hoặc chưa hiểu rõ chính sách. Áp dụng những hình phạt cần phân biệt trường hợp nặng nhẹ, phân biệt chính phạm và tòng phạm, phân biệt đối tượng phạm pháp để có những hình phạt thích đáng. Đối với những người phạm pháp lần đầu hay chưa hiểu rõ thể lệ, có khi chỉ cần phê bình, cảnh cáo, hoặc có thể đồng thời thông tri về xã hay đoàn thể của đương sự để nhờ theo dõi giáo dục. Tùy từng trường hợp, bắt nộp thuế định gian lậu cho đem muối về dùng. Nếu gần trăm muối có thể bắt bán số muối lậu vào kho của Chính phủ. Số thuế tính nhất loạt bằng 0k 250 gạo tức là 100 đồng đánh vào 1 ki lô muối không phân biệt ở vùng nào.

Trường hợp nặng như khai man trọng lượng để trốn thuế, tích trữ trái phép, ngụ trang muối lậu trong khi vận chuyển, dùng muối được giảm thuế đem bán kiếm lời, v.v... thì người phạm pháp ngoài việc bị tịch thu số muối và phải nộp đủ số thuế định gian lậu tính như trên, còn bị phạt tiền bằng:

a) Một lần giá trị số muối gian lậu, nếu số muối lậu trên dưới 20 ki lô.

b) Một lần rưỡi giá trị số muối gian lậu, nếu số muối lậu trên dưới 50 ki lô.

c) Hai lần giá trị số muối gian lậu, nếu số muối lậu trên dưới 100 ki lô.

d) Ba lần giá trị số muối gian lậu, nếu số muối lậu từ 150 ki lô trở lên.

Tuy nhiên, đối với những người ngoan cố hay tái phạm, mặc dầu số muối lậu không nhiều, cũng có thể phạt nặng hơn tức là gấp hai hay ba lần số muối gian lậu.

Giá muối phạt định theo giá bán lẻ của Bộ Thương nghiệp ấn định ở từng tỉnh.

Khi phạt, cần xác định cho đúng số muối định gian lậu. Nếu vận chuyển, tàng trữ quá số muối đã kê khai hay ghi trong giấy phép, thì số muối gian lậu là số thừa. Thi dụ: giấy phép vận chuyển ghi 200 ki lô, chở 300 ki lô thì số muối gian lậu là 100 ki lô. Nếu là trường hợp giả mạo hoặc lạm dụng giấy tờ như dùng giấy phép để vận chuyển muối lần thứ hai, thì số muối gian lậu là 300 ki lô, chứ không phải là 100 ki lô.

Có một trong những hành vi phạm pháp dưới đây thì ngoài việc bị xử phạt như trên, còn bị truy tố trước tòa án, như đã quy định ở điều 8 của điều lệ về quản lý muối:

- Buôn bán muối lậu có tổ chức,
- Chống nộp thuế,
- Công khai cự tuyệt không dễ kiểm tra, chống lại nhân viên kiểm soát.
- Giả mạo giấy tờ, con dấu,
- Tích trữ hay vận chuyển muối trái phép từ 1 tấn trở lên.
- Có lệnh đình chỉ mà vẫn tiếp tục sản xuất muối.
- Không thi hành quyết định xử lý của cơ quan quản lý muối.

Số muối lậu và phương tiện tịch thu sẽ xử lý như sau:

a) Muối nhập vào kho Chính phủ, nếu ở gần, và tính theo giá thu mua của người sản xuất.

b) Nếu kho ở xa thì bán cho cơ quan, đoàn thể hay nhân dân dùng theo giá bán buôn ở địa phương.

c) Phương tiện tịch thu cũng đem bán cho cơ quan, đoàn thể hay nhân dân theo giá ở địa phương.

Việc bán muối lậu và phương tiện tịch thu do cơ quan xử lý phụ trách và lập biên bản.

Về quyền xử lý Bộ qui định lại như sau:

Việc xử lý các vụ phạm pháp do cơ quan quản lý muối phụ trách. Nơi nào không có cơ quan quản lý muối thì do cơ quan Thuế vụ phụ trách.

Những vụ phạm pháp nhỏ, số tiền phạt không quá năm vạn đồng (50.000đ), do trạm muối hay phòng thuế huyện hoặc khu phố xử lý. Những vụ to thi chuyển lên cơ quan quản lý muối hoặc cơ quan Thuế vụ tỉnh hay thành phố xử lý.

Hà Nội, ngày 3 tháng 6 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thủ trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

NGHỊ ĐỊNH số 140-TC/NĐ/SM ngày 5-6-1958 sửa đổi nghị định số 372-TC/NĐ ngày 13-12-1955 quy định thè lệ chi tiết thi hành điều lệ tạm thời về quản lý muối.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ vào điều lệ tạm thời về quản lý muối do nghị định số 536-TTg ngày 23-5-1955 của Thủ tướng Chính phủ ban hành;

Căn cứ vào nghị định số 372-TC/NĐ ngày 13-12-1955 và nghị định số 133/NĐ ngày 2-6-1958 của Bộ Tài chính quy định thè lệ chi tiết thi hành điều lệ tạm thời về quản lý muối;

Theo đề nghị của các ông Giám đốc Tổng công ty lương thực và ông Giám đốc Sở Muối trung ương;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Kể từ ngày ban hành nghị định này những địa phương dưới đây không thuộc phạm vi vùng A nêu:

HỒNG QUĂNG:

Huyện Thủ-nguyên: thôn Pha, Phúc, Do lê, Doan lê, Do nghi (xã Tam-hưng); thôn Mỹ sơn (xã Ngũ-lão).

Thị xã Hồng-gai: Thị xã Hà-tu, thị xã Hà-làm, Cốc-nấm, Phố-Mới, Công-kêu, Giáp-khẩu, Cái-dá, Bãi-cháy; thị xã Hồng-gai.

Điều 2. — Ủy ban Hành chính các Khu Tả ngạn, Hồng-quảng và các ông Chánh văn phòng Bộ Tài chính, ông Giám đốc Sở Muối chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH